TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – PH THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2025
V/v: TrAh chấp nuôi con.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH PH THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thùy Linh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Nga**
Ông **Trịnh Xuân Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thành Đạt** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Ph Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Ph Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc trAh chấp nuôi con chung, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Bùi ThAh D**, sinh năm 1987;
Căn cước công dân số 017187012306;
Nơi cư trú: Tổ 05, phường Hòa Bình, tỉnh Ph Thọ (phường Quỳnh Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cũ).

2. Bị đơn: Ah **Nguyễn Văn Đ**, năm sinh: 1978;
Căn cước công dân số 031078014970;
Nơi đăng ký thường trú: thôn Đống Am, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.
Nơi ở: Căn hộ 1220 tòa nhà B Chung cư Sao Vàng, tổ 05, phường Hòa Bình, tỉnh Ph Thọ (phường Quỳnh Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cũ).

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2025, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/9/2025, đơn sửa đổi đơn khởi kiện ngày 17/10/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn trình bày:

Năm 2010 chị D quen biết Ah Nguyễn Văn Đ, hai bên qua lại sau đó hợp tác làm ăn rủ nhau mở nhà hàng kinh doAh hải sản. Quá trình quen biết, Ah Đ nói đã có vợ con nhưng ly hôn. Giữa hai bên nảy sinh tình cảm và có quA hệ yêu đương. Trong thời giA có quA hệ, tính Ah Đ hay thay đổi, lăng nhăng, thường xuyên bạo hành nên chị D xác Đ không đăng ký kết hôn với Ah Đ. Năm 2013 chị D sinh con lớn là cháu Gia Phc, năm 2018 sinh con nhỏ là cháu Kì A. Hai bên đi làm thủ tục

giám Đ ADN để xác Đ Ah Đ là cha các con và làm thủ tục khai sinh. Hai bên thỉnh thoảng có sống cùng nhau nhưng không thường xuyên. Sau đó chị D biết rõ Ah Đ chỉ ly thân với vợ chứ chưa ly hôn. Thấy Ah Đ là người không đàng hoàng nên chị D chấm dứt quA hệ tình cảm, chỉ giữ lại mối làm ăn chung. Trong quá trình tiếp tục kinh doAh nhà hàng, hai bên mâu thuẫn nên không còn làm ăn chung. Ah Đ lấy các con ra làm sức ép nên hai bên đã thỏa thuận chị D trả cho Ah Đ số tiền 700.000.000 đồng để được toàn quyền nuôi hai con. Để không còn vướng mắc rắc rối và giải quyết việc nuôi con chung với Ah Đ, chị D có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án xử không công nhận chị D và Ah Đ là vợ chồng đồng thời yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Chị D xác Đ quA hệ của chị D và Ah Đ không phải là vợ chồng, Ah Đ vẫn có vợ con hợp pháp ở quê nên chị D đã chấm dứt quA hệ. Chị D thay đổi nội D khởi kiện: xin rút yêu cầu về việc không công nhận chị D và Ah Đ là vợ chồng; giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung; không yêu cầu Ah Đ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản công nợ chung.

Chị D và Ah Đ có 02 con chung là Nguyễn Bùi Gia Ph, giới tính nam, sinh ngày 15/4/2013 và Nguyễn Bùi Kì A, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2018. Hiện cả hai con sức khỏe tốt, không có nhược điểm về tâm thần thể chất, các con đều đAg sống với chị D. Chị D có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Ah Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn trình bày:

Ah Đ xác nhận quen biết, cùng làm ăn kinh doAh nhà hàng, có quA hệ yêu đương, qua lại với chị D tại TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình từ 16 năm trước. Hai bên có tình cảm phát sinh quA hệ nên có con chung, Ah Đ không cùng chung sống với chị D mà chỉ thỉnh thoảng qua lại nhà. Ah Đ xác nhận có vợ con tại TP Hải Phòng, đã ly thân 20 năm nhưng chưa ly hôn.

Ah Đ xác nhận có 02 con chung với chị D là Nguyễn Bùi Gia Ph, giới tính nam, sinh ngày 15/4/2013 và Nguyễn Bùi Kì A, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2018. Hiện cả hai con sức khỏe tốt, không có nhược điểm về tâm thần thể chất, đều đAg sống với chị D. Ah Đ có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu Kì A và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Ah Đ cho rằng gia đình chị D phức tạp: bố chị D đi tù về, trong nhà có người nghiện ma túy, sử dụng thuốc lá điện tử, chị D mâu thuẫn với gia đình nên nhà ngoại không tình cảm, bạn trai chị D chặn điện thoại của con không cho liên lạc với Ah Đ... ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm của các con.

3. Tòa án đã xác minh tại địa phương về việc cư trú của Ah Đ và tình trạng hôn nhân của Ah Đ, chị D: Xác nhận Ah Đ và chị D trước đây cùng làm ăn kinh doAh mở nhà hàng A Ph tại tổ 05 phường Quỳnh Lâm cũ. Theo thông tin nắm được thì Ah Đ chị D không phải là vợ chồng, Ah Đ có vợ con ở Hải Phòng và chưa ly hôn. Ah Đ, chị D mở nhà hàng, quA hệ với nhau có 02 con chung, quá trình kinh doAh sinh hoạt hai người này thường xuyên mâu thuẫn đánh chửi nhau đêm hôm

nhiều lần tổ dân phố và công A phường phải đến giải quyết. Hiện tại Ah Đ đAg thuê nhà tại Tòa B chung cư Sao Vàng, phường Hòa Bình, tỉnh Ph Thọ và đã đăng ký tạm trú. Ah Đ và chị D không còn ở, không còn làm ăn kinh doAh chung, Ah Đ đAg sống cùng một người phụ nữ khác và 02 đứa trẻ (không phải mẹ con chị D). Chị D đã trả cho Ah Đ một số tiền để mỗi người đi một nơi, Ah Đ hiện đã mở nhà hàng khác. Chị D và 02 con đAg sống tại tổ 05, phường Hòa Bình (phường Quỳnh Lâm cũ), chị D không chung sống cùng ai khác.

Xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hải Phòng - Chị Ninh cung cấp: Chị Ninh và Ah Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại tổ dân phố Đống Am, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng và có 02 con chung là Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh năm 2005 và Nguyễn Thị Thu Phương, sinh năm 2007, hiện các con đều đã thành niên và có khả năng lao động. Do Ah Đ mải chơi, không quA tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay là 10 năm nhưng chưa ly hôn. Ah Đ không chu cấp cho gia đình, vợ con từ khi ly thân đến nay.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Ph Thọ:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy Đ Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 3, 15, 68, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 71, 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 tuyên xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện không công nhận chị D Ah Đ là vợ chồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D: giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; Ah Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; tuyên quyền thăm nom, thay đổi nuôi con chung; đương sự phải nộp án phí sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả trAh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền, quA hệ pháp luật trAh chấp: Đây là vụ án trAh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy Đ tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn có nơi cư trú tại phường Hòa Bình, tỉnh Ph Thọ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Ph Thọ theo điểm (a) khoản 1 Điều 35, điểm (a) khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí nên việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy Đ các Điều 69, 186, 189, 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa ngày 19/12/2025 Ah Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết Đ hoãn phiên tòa. Ngày 26/12/2025 mở lại phiên tòa, Ah Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm (b) khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội D

[2.1] Ah Đ có quA hệ với chị D trong thời giA đAg có vợ, con tại Hải Phòng nên không đủ điều kiện kết hôn theo Điều 5, 8 Luật Hôn nhân và gia đình. QuA hệ giữa Ah Đ và chị D không phải là quA hệ sống với nhau như vợ chồng theo quy Đ tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị D rút yêu cầu khởi kiện không công nhận chị D, Ah Đ là vợ chồng là quyền hợp pháp của chị D, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Chị Bùi ThAh D và Ah Nguyễn Văn Đ có thời giA cùng chung vốn làm ăn kinh doAh, phát sinh tình cảm, có quA hệ tình dục và có 02 con chung là Nguyễn Bùi Gia Ph, giới tính nam, sinh ngày 15/4/2013 và Nguyễn Bùi Kì A, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2018. Hiện cả hai con sức khỏe tốt, không có nhược điểm về tâm thần thể chất, đAg do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ah Đ quA hệ với chị D khi đAg có hôn nhân hợp pháp nên giữa chị D và Ah Đ không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hai bên đã chấm dứt quA hệ tình cảm với nhau. Mặc dù vậy, giữa Ah Đ và chị D có 02 con chung nên căn cứ các Điều 15, 68 Luật Hôn nhân và gia đình quyền lợi của con chung không bị phủ nhận. Chị D, Ah Đ trAh chấp về việc nuôi con chung, việc giao con chung cho cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét các điều kiện thực tế, nguyện vọng của trẻ... nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất và phát triển về mọi mặt cho trẻ em.

Các tài liệu chứng cứ thể hiện: Ah Đ hiện đAg tồn tại quA hệ hôn nhân hợp pháp với người khác nhưng lại đAg chung sống thực tế với một người phụ nữ thứ ba. Việc giao con cho Ah Đ, các con sẽ phải sống trong một môi trường gia đình phức tạp, điều này tiềm ẩn rủi ro về tâm lý, không đảm bảo sự phát triển lành mạnh và A toàn nhất cho đứa trẻ. Việc Ah Đ đAg cùng lúc duy trì quA hệ hôn nhân hợp pháp với vợ và chung sống với người phụ nữ khác cho thấy sự thiếu chuẩn mực trong lối sống và ý thức chấp hành pháp luật. Ah Đ chưa ly hôn, quA hệ giữa con chung và gia đình hiện tại của Ah Đ (vợ và con hợp pháp) là mối quA hệ nhạy cảm. Việc đưa trẻ vào môi trường sống có nguy cơ phát sinh xung đột gia đình là không phù hợp với mục tiêu bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ. Mặt khác, chị D đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, các con đAg ở ổn Đ với chị D, do chị D trực tiếp chăm sóc giáo dục, mẹ con ở riêng không ở cùng gia đình chị D như Ah Đ cung cấp. Các con đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Từ những nhận Đ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cả 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với quy

Đ tại các Điều 15, 68, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; chị D không yêu cầu Ah Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu của chị D được Tòa chấp nhận nên Ah Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Chị D tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm cho Ah Đ, Tòa chấp nhận.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo luật Đ.

[2.5] Đề nghị của kiểm sát viên phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 71, 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 3, các Điều 15, 68, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy Đ mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận chị D và Ah Đ là vợ chồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi ThAh D: Giao cho chị Bùi ThAh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Bùi Gia Ph, giới tính nam, sinh ngày 15/4/2013 và Nguyễn Bùi Kì A, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2018 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ah Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi ThAh D tự nguyện chịu 300.000Đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000Đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002635 ngày 02/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ph Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy Đ pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAD tỉnh Ph Thọ;*
- *VKSND tỉnh Ph Thọ;*
- *VKSND khu vực 12;*
- *Thi hành án tỉnh Ph Thọ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng THADS khu vực 12 tỉnh Ph Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Hoàng Thị Thùy Linh